

Số: 06/2024/QĐST-DS

D, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị V; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T1, quận D, thành phố H.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T1, quận D, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 20-6-2024, chị Nguyễn Thị N còn nợ bà Trần Thị V 87.145.762 (Tám mươi bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó tiền gốc là 79.855.000 đồng, tiền lãi là 7.290.762 đồng.

2.2. Về phương án trả nợ:

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, chị N sẽ trả cho bà V số tiền nợ gốc 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

- Đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, chị N sẽ trả cho bà V số tiền nợ gốc 39.855.000 (Ba mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Trường hợp chị N thanh toán số tiền nợ gốc 79.855.000 đồng theo đúng thời gian nêu trên thì bà V sẽ miễn toàn bộ tiền lãi cho chị N. Trường hợp chị N vi phạm cam kết trả khoản nợ gốc nêu trên thì bà V có quyền yêu cầu chị N phải trả bà V toàn bộ số tiền 87.145.762 (Tám mươi bảy triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó tiền gốc là 79.855.000 đồng, tiền lãi là 7.290.762 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2024 đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận D, TP H;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS quận D, HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V phòng.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Thắng

